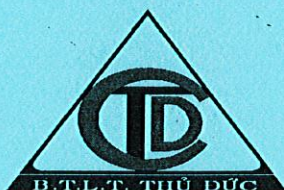


TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  
**CÔNG TY CP BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**



**TÀI LIỆU PHỤC VỤ  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2021**

**Địa điểm: Nhà hàng Thiên Thanh – Khu du lịch Tân Cảng**

- Địa chỉ: *Số 100 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM.*
- Điện thoại: 028 37313272 – 37313073 – 37313086    Fax: 028 37313271
- Email: [info@betongthuduc.com](mailto:info@betongthuduc.com)    Website: [www.betongthuduc.com](http://www.betongthuduc.com)

**TP HỒ CHÍ MINH NGÀY 14/05/2021**



# CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

Thứ sáu, ngày 14/05/2021



THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
08 giờ 30 đến 09 giờ 00	Đón đại biểu, cổ đông & đăng ký cổ đông	Ban Tổ chức
09 giờ đến 09 giờ 30	<ul style="list-style-type: none"><li>- Khai mạc Đại hội, tuyên bố lý do</li><li>- Giới thiệu đại biểu và cổ đông tham dự</li><li>- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông</li><li>- Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thư ký đại hội (biểu quyết)</li><li>- Giới thiệu Ban kiểm phiếu (biểu quyết)</li><li>- Thông qua chương trình Đại hội</li><li>- Thông qua quy chế làm việc của Đại hội</li></ul>	Dẫn chương trình  Ban k/tra tư cách CD Dẫn chương trình " Chủ tịch đoàn "
09 giờ 30 đến 10 giờ 10	<ul style="list-style-type: none"><li>- Báo cáo về tình hình SXKD và đầu tư năm 2020; kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2021;</li><li>- Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán</li><li>- Báo cáo của Ban Kiểm Soát</li></ul>	Chủ tịch đoàn phân công  Đại diện Phòng Kế toán Trưởng Ban kiểm soát
10 giờ 10 đến 10 giờ 40	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đại hội thảo luận, góp ý</li></ul>	Đại hội
10 giờ 40 đến 11 giờ 00	<b>Biểu quyết các nội dung của tờ trình:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Báo cáo kết quả SXKD và đầu tư năm 2020; Báo cáo của Ban Kiểm soát</li><li>- Báo cáo tài chính chính năm 2020 đã được kiểm toán</li><li>- Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020.</li><li>- Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021</li><li>- Mức thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021</li><li>- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021</li></ul>	Chủ tịch Đoàn
11 giờ 00 đến 11 giờ 10	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đại diện Ban kiểm phiếu đọc Biên bản kiểm phiếu biểu quyết các nội dung thông qua tại Đại hội</li></ul>	Ban kiểm phiếu
11 giờ 10 đến 11 giờ 30	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua Biên bản, Dự thảo Nghị quyết Đại hội</li><li>- Tuyên bố bế mạc Đại hội</li></ul>	Thư ký Đại hội Chủ tịch Đoàn

BAN TỔ CHỨC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CP BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty CP Bê tông Ly tâm Thủ Đức;

Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức được tiến hành theo những quy định sau:

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1: Phạm vi áp dụng**

Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây được gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức.

**Điều 2:** Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

**Điều 3:** Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II**  
**ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

**Điều 4: Điều kiện tham dự Đại hội**

Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

**CHƯƠNG III**  
**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

**Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền**

1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền được quyền tham dự Đại hội, được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc phạm vi chương trình Đại hội và theo quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ Công ty.
2. Tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền khi tới tham dự cuộc họp Đại hội phải mang theo Chứng minh nhân dân (hoặc giấy tờ tùy thân khác có khả năng chứng minh), Giấy mời, Giấy ủy quyền (nếu có), nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc số phiếu bầu).
3. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc được ủy quyền theo đăng ký tham dự Đại hội





trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, giá trị biểu quyết của Phiếu bầu cử được tính bằng tổng số phiếu bầu cử, tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu.

4. Cổ đông, người được ủy quyền đến Đại hội muốn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

5. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, tích cực tham gia đóng góp vào các nội dung của Đại hội, khi muốn phát biểu, thảo luận tại Đại hội, cổ đông phải đăng ký và tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

#### **Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông**

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm Thủ Đức lựa chọn, có chức năng kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp: Kiểm tra Chứng minh nhân dân (hoặc giấy tờ tùy thân khác có khả năng chứng minh), Giấy mời, Giấy ủy quyền (nếu có), đồng thời có nghĩa vụ phát Phiếu biểu quyết cho cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của các cổ đông và Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

#### **Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên do Ban chủ tọa đề cử và được thông qua trước Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

3. Ban kiểm phiếu hướng dẫn cách sử dụng Phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu; lập biên bản kiểm phiếu và Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu. Giao lại biên bản cho Ban tổ chức đại hội.

#### **Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch và Ban thư ký**

1. Đoàn Chủ tọa gồm 01 Chủ tịch là Chủ tịch HĐQT và một số ủy viên do Đại hội biểu quyết thông qua, có chức năng điều khiển Đại hội.

2. Quyết định của Đoàn chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

3. Đoàn chủ tịch tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Đoàn chủ tịch cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ, khi đã được thông qua) và tại một địa điểm khác do Chủ tịch quyết định nếu nhân thấy rằng:

a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc

b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.



5. Ban thư ký gồm 01 Trưởng ban và một số ủy viên, có chức năng lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Ban Chủ tọa.

#### **CHƯƠNG IV** **TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

##### **Điều 9: Điều kiện tiến hành Đại hội**

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm triệu tập cuộc họp Đại hội.

##### **Điều 10: Cách thức tiến hành Đại hội**

1. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.
2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông.

##### **Điều 11: Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đối với việc thông qua sửa đổi Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức giải thể, phá sản Công ty và các vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định phải đạt ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.
2. Các vấn đề khác được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện ít nhất trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.

##### **Điều 12: Biên bản, Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội phải được Ban thư ký ghi vào Biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ theo quy định.

#### **CHƯƠNG V** **ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

##### **Điều 13: Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành**

1. Trường hợp cuộc họp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 9 Quy chế này, thì việc triệu tập họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp Đại hội lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì được triệu tập lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

#### **CHƯƠNG VI** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**





**Điều 14:** Quy chế này gồm 6 chương, 14 điều, được Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Bê Tông Ly tâm Thủ Đức thông qua ngày 28 tháng 05 năm 2021 và có hiệu lực để tiến hành đại hội kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết thông qua.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI  
TRƯỞNG BAN**



TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2021



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

Kính thưa: Quý vị Đại biểu

Quý vị cổ đông Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức

Thay mặt đoàn chủ tịch Đại hội, tôi xin báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và đầu tư trong năm 2020; dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021 của Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức (TDC).

### **PHẦN I:**

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:**

#### **I. CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH:**

##### **1. Đặc điểm tình hình:**

Trong năm 2020, dịch bệnh COVID-19 đã tác động rất lớn đến nền kinh tế nước ta nói chung và các doanh nghiệp sản xuất nói riêng, trong đó có công ty cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức (TDC);

Hầu hết máy móc, thiết bị của nhà máy tại Thủ Đức đã quá cũ và thường xuyên hư hỏng nên công ty đã tốn rất nhiều chi phí, thời gian để sửa chữa, khắc phục. Mặt bằng nhà máy quá chật hẹp, không đủ diện tích chứa vật tư và sản phẩm nên đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác sản xuất;

Giá các loại vật tư chính (thép DUL, phụ gia,...) tăng cao đột biến do ảnh hưởng từ thị trường Trung Quốc đã ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của TDC;

Tình hình thiếu hụt công nhân lao động trực tiếp đã gây khó khăn cho việc đảm bảo tiến độ giao hàng của Công ty do đặc thù của ngành sản xuất Bê tông là lao động nặng nhọc nên khó thu hút người lao động dù thu nhập của công nhân trực tiếp không phải quá thấp so với mặt bằng chung;

Thị trường Cọc và Trụ điện BTLT đang có sự cạnh tranh quyết liệt với sự ra đời của nhiều nhà máy có công suất lớn với trang thiết bị hiện đại đã gây áp lực trên thị trường;

Tuy nhiên vào những tháng cuối năm 2020 do các dự án Năng lượng mặt trời đồng loạt triển khai nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tiêu thụ được nhiều sản phẩm Cọc và Trụ điện BTLT các loại do đó đã góp phần giúp Công ty hoàn thành được các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra.

##### **2. Hoạt động sản xuất tại Công ty:**

Trong tình hình khó khăn chung, TDC vẫn duy trì được công tác sản xuất, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng;



Chất lượng sản phẩm được kiểm tra nghiêm ngặt, sản phẩm sản xuất luôn đạt chất lượng. Công ty đang thực hiện tốt chế độ kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm và tiếp tục cải tiến để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm;

Công tác vệ sinh môi trường và ATLĐ được quan tâm, Công ty thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở và đã có nhiều chuyển biến tốt. Tuy nhiên do mặt bằng nhà máy Thủ Đức quá chật hẹp, máy móc cũ nên việc ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và người dân chung quanh nhà máy là không thể tránh khỏi (tiếng ồn, bụi, ...)

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện việc vận chuyển sản phẩm, vật tư bằng đường thủy góp phần giảm giá thành sản phẩm. Công ty cũng đã đưa lò hơi đốt bằng trấu vào hoạt động ổn định tại cả 2 nhà máy Thủ Đức và Bến Cát đã góp phần giảm bớt ô nhiễm môi trường.

### **3. Công tác bán hàng và tình hình tiêu thụ sản phẩm:**

Công ty đang có nhiều thuận lợi trong công tác tiêu thụ các loại Trụ điện BTLT, cầu kiện bê tông đúc sẵn do có những khách hàng truyền thống là các công ty Điện lực, các đơn vị thi công trong ngành Xây lắp điện, các chủ đầu tư; Công ty đã ký và thực hiện một số Hợp đồng cung cấp Trụ điện giá trị lớn (trên 20 tỷ đồng);

Trong năm 2020, Công ty đã cung cấp số lượng lớn Cọc và Trụ điện BTLT các loại cho các dự án Năng lượng mặt trời, do đó đã góp phần nâng cao sản lượng và hiệu quả cho công ty;

Tuy nhiên do áp lực cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, Công ty cần đẩy mạnh công tác thị trường hơn nữa nhằm tiêu thụ sản phẩm tốt hơn.

### **4. Công tác trích lập dự phòng và thu hồi công nợ:**

Phần lớn công nợ khó đòi đã được Công ty trích lập dự phòng rủi ro. Trong năm 2020 công ty đã trích lập các khoản dự phòng như sau:

- |   |             |
|---|-------------|
| - Nợ khó đòi:   | 1,5 tỷ đồng |
| - Bảo hành Sản phẩm:  | 1,7 tỷ đồng |
| - Giảm giá đầu tư tài chính tại Cty bê tông ly tâm Hải Dương: | 1,3 tỷ đồng |

Công tác thu hồi công nợ khó đòi luôn được Công ty quan tâm và thực hiện. Công ty đã thành lập tổ thu hồi công nợ để thực hiện thu hồi công nợ như: liên hệ trực tiếp với khách hàng để thu hồi công nợ, khởi kiện ra tòa án..., Tuy nhiên việc thu hồi nợ rất khó khăn do trong năm vừa qua tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, các đơn vị cũng gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh;

Đối với khoản nợ của công ty SOPEWACO, Công ty đã liên hệ Tòa án huyện Nhơn Trạch đề nghị tiếp tục thực hiện công tác thu hồi công nợ theo quyết định của Tòa án. Tuy nhiên hiện nay công ty này đang được cổ đông kiện yêu cầu phá sản và hiện được tòa án thụ lý. Ngày 5/03/2021, Tòa án huyện Nhơn Trạch đã tổ chức hội nghị chủ nợ (lần 2) về việc yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Công ty Sopewaco, các chủ nợ thống nhất phương án cho Công ty Sopewaco gia hạn thời gian 90 ngày để xây dựng phương án phục hồi SXKD trước khi mở lại hội nghị chủ nợ tiếp theo để xem xét, quyết định.

### **5. Các hoạt động khác:**



- Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, Công ty đã phải dời ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 28/5/2020;
- Tổ chức Hội nghị Người lao động năm 2020 kết hợp tham quan nghỉ mát cho CBCNV vào tháng 7/2020;
- Tham gia các phong trào đền ơn đáp nghĩa tại địa phương, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt tại miền Trung, tham gia đóng góp quỹ phòng chống xâm nhập mặn và phòng chống COVID-19 với số tiền trên 200 triệu đồng;
- Hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2019 với số tiền là: 25.649.164.000 đồng (40% vốn Điều lệ);
- Công ty đã thực hiện nghiêm túc công tác công bố thông tin, cập nhật kịp thời các thông tin trên sàn chứng khoán UpCOM;
- Tổ chức tốt các hoạt động sản xuất tại nhà máy mới Bến Cát. Hiện nay nhà máy đang hoạt động ổn định, đạt công suất thiết kế; Thực hiện tốt việc tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản xuất.

## **II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:**

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	K.HOẠCH NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2020	TH 2020 / KH 2020 (%)	GHI CHÚ
Doanh thu	Tỷ đồng	300.000	343.649	114.55	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	26.276	37.275	141.86	
Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	17.000	23.533	138.43	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	22.000	31.501	143.19	
Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	34.30	49.11	143.19	
Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	5.200	4.799	92.29	
Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tỷ đồng	12.580	7.459	59.29	
Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	55.255	63.273	114.51	
Lao động bình quân	Người	330	320	96.97	
Thu nhập bình quân	Trđ/tháng	13.953	16.477	118.09	
Chi trả cổ tức	%	20.00	40.00	200.00	

Ghi chú: - Lợi nhuận năm 2020 đã bao gồm cổ tức của TDC1 là 6,936 tỷ đồng

## **III. DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, CHIA CỔ TỨC NĂM 2020:**

Với kết quả SXKD đạt được trong năm 2020. HĐQT đề nghị phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐV	Số tiền	Ghi chú
1	Vốn điều lệ	đ	64,141,000,000	
2	Lợi nhuận trước thuế	đ	37,270,999,943	
3	Thuế TNDN	đ	6,066,999,989	
4	Lợi nhuận sau thuế	đ	31,501,081,281	
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ	%	49.11	
6	Lợi nhuận 2019 chuyển sang	đ	8,216,882,712	
7	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	đ	39,717,963,993	
8	Dự kiến chi trả cổ tức (40 % VĐL)	40%	25,649,164,000	
9	Lợi nhuận còn lại (trích lập các quỹ)	đ	14,068,799,993	
	_ Quỹ khen thưởng	đ	2,500,000,000	
	_ Quỹ phúc lợi	đ	1,000,000,000	
	_ Thưởng HĐQT, BKS, BDH	đ	1,500,000,000	
	_ Quỹ đầu tư phát triển	đ	9,068,799,993	



#### **IV. CÔNG TÁC MUA SẮM SỬA CHỮA THIẾT BỊ, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN:**

Trong năm 2020, TDC đã thực hiện việc sửa chữa một số máy móc thiết bị cũ và mua sắm bổ sung thiết bị, máy móc để phục vụ sản xuất; tiếp tục xây dựng hoàn thiện một số hạng mục dở dang của dự án nhà máy Bến Cát, trang bị máy móc cho xưởng cơ khí nhà máy Bến Cát, bổ sung khuôn cọc và khuôn trụ điện các loại,... Cụ thể như sau:

##### **1. Công tác Đầu tư xây dựng cơ bản:**

Nội dung	KH 2020	TH 2020	Ghi chú
Xây dựng nhà xưởng Bến Cát (GD2)	2,000,000,000	1,968,489,021	NM BC
Lắp đặt hệ thống ray dầm cầu trục nhà xưởng GD2		468,773,773	
Lắp đặt hệ thống băng tải cát đá Bến Cát	1,200,000,000	1,249,622,591	
Lắp đặt hệ thống sàng rửa cát đá Bến Cát	800,000,000	-	
Sửa chữa đường nội bộ (đường chờ lún)	400,000,000	261,875,455	
Sửa chữa nhà xưởng quận 9 (thay mái, nền,...)	800,000,000	850,798,500	KH 2019
<b>Tổng cộng:</b>	<b>5,200,000,000</b>	<b>4,799,559,340</b>	

##### **2. Công tác sửa chữa, mua sắm thiết bị, máy móc:**

Nội dung	KH 2020	TH 2020	Ghi chú
Mua Pa lăng 10T (NM Bến Cát)	660,000,000		Chuyển sang 2021
Mua khuôn cọc D300-16m	1,250,000,000	1,226,144,105	
Mua khuôn D350-16m	650,000,000	655,249,398	
Mua khuôn cọc D400-16m	1,400,000,000	1,404,936,293	
Mua phụ tùng thay thế thiết bị NM BC	720,000,000	792,132,415	
Mua khuôn trụ 8,5m - D140mm	1,600,000,000	916,025,728	NM Q.9
Mua cối trộn BT 45m3 thay thế Trạm BT cũ	1,800,000,000		Chuyển sang 2021
Mua máy cắt, chôn đầu thép tự động (autoloader)	1,600,000,000	1,102,000,000	NM Q.9
Mua xe nâng hàng 5 tấn (xe cũ)	500,000,000	681,818,182	NM Q.9
Mua máy ép mẫu bê tông NM Bến Cát	300,000,000	295,889,400	NM BC
Mua xe cầu 40T bốc cát đá lên băng tải (xe cũ)	800,000,000		Thuê ngoài
Mua xe cầu 60T cầu SP xuống xà lan (xe cũ)	1,300,000,000		
Máy Photocopy Toshiba		88,550,000	Phát sinh
Gia công hệ thống công trục 5T+5T bãi số 3		296,663,840	Phát sinh
<b>Tổng cộng:</b>	<b>12,580,000,000</b>	<b>7,459,409,361</b>	

#### **V. THÙ LAO HĐQT & BAN KIỂM SOÁT:**

Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS trong năm 2020 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Số tiền	Số tháng	Tổng cộng
1	Chủ tịch HĐQT	1	5,000,000	12	60,000,000
2	Thành viên HĐQT	4	4,000,000	12	192,000,000
3	Thư ký HĐQT	1	2,000,000	12	24,000,000
4	Trưởng ban Kiểm soát	1	3,000,000	12	36,000,000
5	Thành viên ban Kiểm soát	2	2,000,000	12	48,000,000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>360,000,000</b>

#### **PHẦN II:**



# KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ NĂM 2021:

## I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

- Năm 2021, thị trường xây dựng chưa hồi phục, nhiều công trình phải ngưng thi công, chưa có các công trình mới, các dự án Năng lượng mặt trời đã qua giai đoạn phát triển nóng cuối năm 2020, đang chờ các chủ trương tiếp theo của Chính phủ nên chưa triển khai, do đó đã ảnh hưởng đến việc tiêu thụ sản phẩm của TDC;
- Giá nhiều loại vật tư tăng cao đột biến và chưa có dấu hiệu ngừng tăng (thép DUL tăng 50-60% so với năm 2020) đã ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản phẩm;
- Sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường Cọc BTLT do nhiều nhà máy lớn, hiện đại đã đưa vào hoạt động;
- Trong ngành Điện do chủ trương ngâm hóa lưới điện Trung, hạ thế nên việc tiêu thụ Trục điện các loại giảm sút nhiều;
- Tuy nhiên nhờ việc đưa 2 nhà máy vào sản xuất, TDC có thuận lợi hơn trong việc đảm bảo tiến độ cung cấp sản phẩm cho khách hàng, đảm bảo cung cấp số lượng sản phẩm lớn trong thời gian ngắn nên khả năng tiếp cận khách hàng tốt hơn;
- Đặc biệt dịch bệnh COVID-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Trong các tháng đầu năm 2021, TDC đã giảm sản lượng sản xuất, có thời điểm chỉ sản xuất 1 ca/ngày,...

## II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021:

### MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH:

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2020	KH 2021	KH 2021 / TH 2020	GHI CHÚ
Doanh thu	Tỷ đồng	343.649	310.000	90.21	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	37.725	25.766	68.30	
Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	23.533	20.000	84.99	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	31.501	22.000	69.84	
Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	49.11	34.30	69.84	
Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	4.799	28.584	595.62	
Mua sắm, sửa chữa thiết bị	Tỷ đồng	7.459	7.990	107.12	
Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	63.273	58.900	93.09	
Lao động bình quân	Người	320	340	106.25	
Thu nhập bình quân	Trđ/tháng	16.477	14.436	87.61	
Chia cổ tức	%	40%	20%	50.00	

Lợi nhuận kế hoạch năm 2021 đã bao gồm cổ tức năm 2020 của TDC 1



### **III. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2021:**

#### **1. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2 – NHÀ MÁY BẾN CÁT:**

##### **SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2:**

- Do mặt bằng NM Thủ Đức quá chật hẹp, thiếu mặt bằng chứa SP và vật tư nên không đáp ứng yêu cầu sản xuất, do đó TDC đề xuất tiếp tục thực hiện GD2 của Dự án xây dựng nhà máy sản xuất Bê tông Bến Cát để di dời 1 dây chuyền SX của NM Thủ Đức. Sau di dời NM Thủ Đức vẫn còn 01 dây chuyền SX có đủ mặt bằng để SX và chứa sản phẩm, vật tư;
- Mặt bằng giai đoạn 2 – NM Bến Cát hiện tại đã thi công xong các hạng mục: Nền nhà xưởng, khung nhà mái che, hệ thống dầm cầu trục, hầm hấp,... Do đó chỉ cần thi công tiếp các hạng mục: Trạm trộn, giàn quay, mương thoát nước thải,.. và lắp đặt các máy móc, thiết bị, hệ thống điện là có thể đưa vào vận hành;
- Do dây chuyền sản xuất hiện tại của nhà máy có nhiều hạn chế, bố trí chưa hợp lý, ảnh hưởng đến năng suất, số lượng công nhân nhiều,... TDC đề nghị cải tiến, bố trí lại dây chuyền SX theo hướng tự động hoá, sử dụng các hệ thống băng chuyền xích và các thiết bị lật khuôn, con lăn vận chuyển khuôn, vận chuyển sản phẩm tự động nhằm nâng cao năng suất lao động giảm cường độ làm việc, giảm số lượng công nhân trên dây chuyền và đảm bảo công tác ATLD,...

##### **CHI PHÍ ĐẦU TƯ:**

- Do cải tạo mặt bằng đã thi công nên phải phá dỡ, di chuyển một số hạng mục như hầm hấp SP, giàn quay. Mặt khác do phải đầu tư thêm một số thiết bị chuyên dùng theo phương án tự động hoá nên dự kiến chi phí sẽ phát sinh tăng thêm so với phương án ban đầu;
- Trên cơ sở thiết kế và dự toán do VINAINCON E&C lập, TDC đã lập dự toán trong đó có so sánh 2 phương án: Giữ nguyên như thiết kế ban đầu và PA cải tạo theo TK mới.

##### **NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ:**

- Dự kiến sử dụng nguồn vốn vay của Ngân hàng Vietinbank 60% tương đương 22 tỷ đồng và vốn của Công ty khoảng 40% tương đương 15 tỷ đồng;

##### **HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ:**

- Do tự động hóa một số công đoạn SX nên giảm được số lượng công nhân trực tiếp sản xuất trên dây chuyền, giảm chi phí lương, bảo hiểm và các chi phí khác. Tuy nhiên tăng chi phí sử dụng điện năng, chi phí bảo trì và một số chi phí khác. Theo tính toán sơ bộ có thể giảm chi phí SX tổng thể cho công ty. Với việc đầu tư xây dựng giai đoạn 2 theo dây chuyền cải tiến sẽ mang lại hiệu quả tốt cho TDC trong những năm tiếp theo, đặc biệt trong xu hướng hiện nay các Nhà máy mới xây dựng đều xây dựng theo hướng tự động hóa để nâng cao khả năng cạnh tranh.



## **DỰ TRÙ KINH PHÍ XÂY DỰNG:**

Nội dung	SL	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
Cải tạo mặt bằng	1	950,000,000	950,000,000	
Thi công phần xây dựng	1	3,608,749,476	3,608,749,476	
Lắp đặt thiết bị	1	23,090,043,740	23,090,043,740	
Hệ thống điện	1	935,471,000	935,471,000	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>28,584,264,216</b>	

### **2. KẾ HOẠCH MUA SẮM, SỬA CHỮA THIẾT BỊ:**

Hiện nay hầu hết các thiết bị tại nhà máy Thủ Đức đã quá cũ, dù đã được thường xuyên bảo trì, sửa chữa nhưng vẫn hư hỏng vì đã sử dụng quá lâu. Nhằm tận dụng mặt bằng sản xuất tại nhà máy Thủ Đức, TDC đề nghị tiếp tục mua sắm bổ sung, sửa chữa, thay thế một số thiết bị đã quá cũ nhằm phục vụ tốt công tác sản xuất. Cụ thể như sau:

Nội dung	ĐV	SL	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
Mua Pa lăng 10T	Cái	2	330,000,000	660,000,000	KH 2020
Mua Palang 5 T	Cái	5	220,000,000	1,100,000,000	
Mua khuôn trụ 8,5 - 12m (GD 2)	Cái	14	125,000,000	1,750,000,000	
Lắp đặt dàn quay 14m (NM Thủ Đức)	Dàn	2	940,000,000	1,880,000,000	
Lắp đặt hệ thống sàng rửa cát đá Bến Cát	HT	1	800,000,000	800,000,000	KH 2019
Mua cối trộn Bê tông 45m <sup>3</sup> thay thế	Bộ	1	1,800,000,000	1,800,000,000	KH 2020
<b>Tổng cộng:</b>				<b>7,990,000,000</b>	

### **3. KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:**

Đơn vị: Đồng

ST T	Chức danh	Số người	Số tiền	Số tháng	Tổng cộng
1	Chủ tịch HĐQT	1	5,000,000	12	60,000,000
2	Thành viên HĐQT	4	4,000,000	12	192,000,000
3	Thư ký HĐQT	1	2,000,000	12	24,000,000
4	Trưởng ban Kiểm soát	1	3,000,000	12	36,000,000
5	Thành viên ban Kiểm soát	2	2,000,000	12	48,000,000

### **IV. KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021:**

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

### **V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD, ĐẦU TƯ NĂM 2021:**

- Tập trung lực lượng cán bộ kỹ thuật, công nhân, chuẩn bị vật tư để sẵn sàng sửa chữa, đảm bảo vận hành cho các thiết bị;



- Quản lý công tác chất lượng ở các khâu sản xuất, đảm bảo sản phẩm luôn đạt chất lượng cao nhất; hạn chế sản phẩm lỗi, tạo sự hài lòng cao nhất cho khách hàng; tiếp tục nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh trên thị trường;
- Tuyển dụng, đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu SXKD của Công ty;
- Đẩy mạnh hoạt động của Ban Thị trường để thực hiện tốt công tác tìm kiếm thị trường, chăm sóc khách hàng, tiêu thụ sản phẩm một cách hiệu quả, đặt biệt là cọc BTLT các loại, chủ động tìm kiếm và tham gia các dự án của các chủ đầu tư;
- Cung cấp, dự trữ các loại nguyên vật liệu, tiếp tục tìm kiếm các nguồn cung cấp chất lượng, ổn định, giá thấp nhất để đảm bảo sản xuất liên tục. Nghiên cứu đưa vào sử dụng các loại nguyên vật liệu giá thấp, tiết kiệm vật liệu, giảm chi phí sản xuất, chi phí vận chuyển để từng bước hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh;
- Khẩn trương tổ chức xây dựng, hoàn thiện giai đoạn 2 – nhà máy Bến Cát để sớm đưa vào vận hành sản xuất sản phẩm. Tiếp tục nghiên cứu cải tạo mặt bằng nhà máy Bến Cát, phát huy hết năng lực của nhà máy để sản xuất các loại sản phẩm phục vụ thị trường như cọc vuông các loại, các cấu kiện Bê tông đúc sẵn phục vụ khách hàng;
- Tiếp tục công tác thu hồi nợ cũ, hạn chế phát sinh công nợ khó đòi trong tương lai;
- Tiếp tục thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015;

Trên đây là nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021. Kính đề nghị Đại hội xem xét.

Trân trọng kính chào.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**ĐỖ CHÍ NGUYỄN**





CÔNG TY CỔ PHẦN  
BÊ TÔNG LÝ TÂM  
THỦ ĐỨC  
BẢN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày tháng 05 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
*Về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020*

Căn cứ Luật DN và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty CP BTLT Thủ Đức;  
Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2020 Công ty CP BTLT Thủ Đức;  
Căn cứ BCTC năm 2020 đã được kiểm toán.

Ban kiểm soát báo cáo ĐHCĐ Công ty CP BTLT Thủ Đức nội dung sau:

- Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2020.
- Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2020.
- Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Nhận xét và một số kiến nghị của Ban kiểm soát.

I/ Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020:

1. Việc thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019:

TT	Nội dung	Nghị quyết	Thực hiện 2020	TH/NQ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế phân phối	38.266	38.266	100%
2	Phân phối lợi nhuận			
A	Chia cổ tức (40% VDL)	25.649	25.649	100%
B	Trích lập các quỹ	4.400	4.400	100%
	- Quỹ khen thưởng	2.500	2.500	
	- Quỹ Phúc lợi	1.000	1.000	
	- Quỹ thưởng HĐQT, BKS, BDH	900	900	
C	Lợi nhuận để lại	8.217	8.217	100%

Nhận xét:

- Về trích lập các quỹ: Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020.

- Về chia cổ tức: Công ty thực hiện trích cổ tức phải trả cho các cổ đông theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020, tổng số phải trả cổ tức năm 2019 (trả 40% VDL) là 25,6 tỷ đồng, trong đó cổ tức phải trả Tổng công ty là 13,085 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã trả hết cổ tức năm 2019 cho các cổ đông.





## 2. Nghị quyết về kế hoạch SXKD và đầu tư.

### a. Về sản xuất kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện 2020	%TH/KH
1	Tổng doanh thu và thu nhập	300.000	351.890	117
2	Lợi nhuận sau thuế (*)	22.000	31.501	143
3	Mua sắm, SCTB, ĐTXDCB	17.780	12.259	69
4	Tổng quỹ lương (trên DT 300 tỷ)	55.255	63.273	114
5	Thu nhập bình quân	13.953.000	16.477	118

#### Nhân xét:

- Năm 2020, tổng doanh thu và thu nhập khác là 351,890 tỷ đồng, đạt 117% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế là 31,501 tỷ đồng, đạt 143% kế hoạch.

- LN sau thuế chưa phân phối tại Công ty mẹ đến 31/12/2020 là 39,7 tỷ đồng. Việc phân phối lợi nhuận năm 2020 sẽ được ĐHCĐ quyết định thông qua.

- Phân tích, đánh giá ảnh hưởng LN 2020: Lợi nhuận thực hiện: 31,5 tỷ đồng.

Trong đó:

+ LN từ thu cổ tức năm 2019 (TDCI): 6,9 tỷ đồng.

+ LN từ trích lập DP ĐTTC (BTLT VINAINCON): -1,3 tỷ đồng.

+ LN từ trích lập phải thu khó đòi: -1,5 tỷ đồng.

+ LN từ trích lập bảo hành SP: -1,7 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận từ SXKD: 29,1 tỷ đồng.

### b. Về đầu tư XDCCB

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục tài sản	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
<b>A</b>	<b>Đầu tư trong kế hoạch</b>			
<b>I</b>	<b>Đầu tư mua sắm</b>	<b>12.580</b>	<b>7.459</b>	
1	Palang 10T (NM Bến Cát)	660		
2	Khuôn cọc D300-16m	1.250	1.226	
3	Khuôn cọc D350-16m	650	655	
4	Khuôn cọc D400-16m	1.400	1.404	
5	Phụ tùng thay thế NM Bến cát	720	792	
6	Khuôn trụ 8,5m	1.600	916	
7	Cối trộn BT 45m3	1.800		
8	Máy hàn nòng thép	1.600	1.102	
9	Xe nâng 5T	500	681	
10	Máy ép mẫu BT (NM Bến Cát)	300	295	



11	Xe cầu 40T	800		
12	Xe cầu 60T	1.300		
13	Máy Photocopy Tosiba		88	Ngoài KH
14	HT cọc trụ 5+5T NMBC		296	Ngoài KH
<b>II</b>	<b>Đầu tư XD CB tại Nhà máy Bến Cát</b>	<b>5.200</b>	<b>4.799</b>	
1	XD nhà xưởng bến cát GĐ2	2.000	1.968	
2	Lắp đặt HT băng tải	1.200	1.249	
3	M Lắp đặt HT sàng rửa cát	800		
4	Sửa chữa đường NB	400	261	
5	Sửa chữa nhà xưởng Q9	800	850	
6	HT ray cầu trục 5T+5T NX GĐ2		468	Ngoài KH
	<b>Tổng cộng</b>	<b>17.780</b>	<b>12.260</b>	<b>69%</b>

**Nhận xét:** Việc đầu tư sửa chữa, mua sắm thiết bị và XD CB trong kế hoạch thực hiện đạt 69% kế hoạch, do căn cứ vào tình hình thực tế SXKD một số danh mục đầu tư đã được duyệt nhưng chưa thực hiện đầu tư. Việc đầu tư ngoài kế hoạch được Ban điều hành thực hiện theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Điều lệ, quy chế tài chính Công ty.

**\* Tình hình thực hiện DA XD Nhà máy mới tại Bến Cát, Bình Dương:**

- Hội đồng quản trị đã quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu cho toàn bộ các gói thầu thuộc kế hoạch đấu thầu của dự án (18 gói thầu).
- Giá trị đã thực hiện: 15 hạng mục
- Giá trị chưa thực hiện: 03 gói (gói thầu mua sắm thiết bị lò hơi; gói thầu mua sắm thiết bị rửa cốt liệu; gói thầu kiểm toán dự án)
- Giá trị thực hiện lũy kế đã được nghiệm thu viết hóa đơn 140,8 tỷ đồng.
- Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12/2020 là gần 138,7 tỷ đồng, trong đó từ nguồn vốn tự có là 84,5 tỷ đồng và từ nguồn vay ngân hàng là 54,2 tỷ đồng.

**Hoạt động SXKD của Nhà máy tại Bến Cát**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nội dung	TH năm 2020	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng	155.032	
2	Giá vốn bán hàng	136.689	
3	LN gộp (1-2)	18.342	
4	Doanh thu tài chính		
5	Chi phí tài chính (lãi vay)	4.287	Phân bổ theo tỷ lệ DT
6	Chi phí bán hàng	158	Phân bổ theo tỷ lệ DT
7	Chi phí quản lý	3.984	Phân bổ theo tỷ lệ DT
8	Thu nhập khác		
9	Chi phí khác		
10	Lợi nhuận sau thuế (3+4+8-5-6-7-9)	7.930	



**c/ Kết quả kinh doanh tại Công ty con (TDC1):**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
1	Tổng doanh thu và TN khác		844.520	
2	Lợi nhuận sau thuế		29.877	

Kết quả sản xuất kinh doanh tại TDC1 năm 2020 hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra: doanh thu đạt 166% KH, lợi nhuận sau thuế là 29,877 tỷ đồng, đạt 214%KH.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của TDC1 đến 31/12/2020 là 34,1 tỷ đồng. Việc phân phối lợi nhuận năm 2020 sẽ do ĐHCĐ của TDC1 xem xét, quyết định. Căn cứ nghị quyết ĐHCĐ TDC1 về việc phân phối tỷ lệ cổ tức, Công ty sẽ hạch toán vào kết quả SXKD năm 2021.

**3. Nghị quyết về thù lao năm 2020 cho HĐQT và Ban kiểm soát:**

TT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
1	Thù lao HĐQT, Thư ký	276.000.000	276.000.000	100
2	Thù lao Ban kiểm soát	84.000.000	84.000.000	100
	<b>Tổng cộng</b>	<b>360.000.000</b>	<b>360.000.000</b>	<b>100</b>

Công ty thực hiện chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**4. Nghị quyết về kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:**

Công ty chọn Công ty kiểm toán VACO thực hiện kiểm toán BCTC năm 2020 theo quy định. Trình tự, thủ tục và ký hợp đồng kiểm toán (sau khi được HĐQT thông qua) được Ban điều hành thực hiện theo quy định, phù hợp với Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ

**II. Về Báo cáo tài chính năm 2020.**

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được Công ty kiểm toán VACO kiểm toán, Ban kiểm soát thống nhất số liệu với một số chỉ tiêu như sau:

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ	Hợp nhất (*)
<b>I</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>320.631</b>	<b>775.800</b>
1	Tài sản ngắn hạn	138.344	535.658
-	Phải thu khách hàng	78.672	301.585
-	Hàng tồn kho	33.337	170.107
2	Tài sản dài hạn	182.287	240.142
-	Tài sản cố định	124.890	200.195
<b>II</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>320.631</b>	<b>775.800</b>
1	Nợ phải trả	148.755	503.670
-	Nợ ngắn hạn	124.489	479.005



-	Nợ dài hạn	24.265	24.664
2	Vốn chủ sở hữu	171.876	272.130
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	64.141	64.141
-	LNST chưa phân phối	39.718	56.741
<b>III</b>	<b>Kết quả kinh doanh</b>		
1	Tổng DT (DTBH+DT khác)	351.890	1.183.882
2	Lợi nhuận sau thuế	31.501	54.182

Ghi chú: (\*) BCTC hợp nhất năm 2019 gồm số liệu Công ty mẹ và Công ty con (Công ty CP BTLT Thủ Đức 1 – TDC1).

**Phân tích một số chỉ tiêu cơ bản tại Công ty:**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
<b>I</b>	<b>Nhóm chỉ tiêu thanh toán</b>		
1	Khả năng TT nhanh: (TSNH-HTK)/Nợ NH (Lần)	0,76	0,82
	Trong đó: Công ty mẹ	0,84	0,71
2	Khả năng TT hiện hành: TSNH/NPT (Lần)	1,06	1,04
	Trong đó: Công ty mẹ	0,9	0,7
<b>II</b>	<b>Nhóm chỉ tiêu cơ cấu vốn</b>		
	Hệ số nợ phải trả/vốn CSH (Lần)	1,85	1,76
	Trong đó: Công ty mẹ	0,86	0,69
<b>III</b>	<b>Nhóm chỉ tiêu hoạt động</b>		
	Vòng quay vốn lưu động (DTT/TSNH)	2,2	1,97
	Trong đó: Công ty mẹ	2,48	2,9
<b>IV</b>	<b>Nhóm chỉ tiêu sinh lời</b>		
1	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	19,8	15,6
	Trong đó: Công ty mẹ	18,3	15,9
2	Lợi nhuận sau thuế/DTT	4,61	4,26
	Trong đó: Công ty mẹ	9,16	8,53
3	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ		
	Trong đó: Công ty mẹ	49,1	42,2

**Nhận xét:**

Các chỉ số về thanh toán, hệ số nợ cũng như khả năng sinh lời của năm 2020 đều tăng so với năm trước, điều đó chứng tỏ rằng tình hình hoạt động SXKD của Công ty vẫn ổn định, tăng trưởng, đảm bảo tài chính, hiệu quả trong SXKD. Tỷ suất LN sau thuế/VĐL đạt 49,1%.

**III. Đánh giá, nhận xét một số nội dung về hoạt động quản lý và SXKD.**

**1/ Công tác kiểm kê và đối chiếu công nợ và lập BCTC.**



- Công tác kiểm kê cuối năm: Kết thúc năm tài chính, Công ty đã thực hiện lập báo cáo kiểm kê tài sản, vật tư, hàng hóa. Tài sản thừa, thiếu trong kiểm kê được hạch toán vào kết quả kinh doanh năm 2020. Công nợ được đối chiếu tương đối đầy đủ (không có kiến nghị loại trừ của đơn vị kiểm toán).

- Công ty thực hiện lập và kiểm toán BCTC năm 2020 và công bố thông tin đầy đủ, đúng thời gian theo quy định.

## **2/ Công tác quản lý và thu hồi công nợ:**

Theo sổ sách kế toán, đến 31/12/2020 công nợ phải thu của khách hàng là 78,6 tỷ đồng (chiếm 24,5% giá trị tổng tài sản), trong đó công nợ phải thu khó đòi (bao gồm 39 đối tượng – tăng so với năm trước là 13 đối tượng) Công ty xác định để trích lập dự phòng là 30,1 tỷ đồng (chiếm 9,4% giá trị tài sản) và chiếm 38% công nợ phải thu khách hàng).

Đối với thủ hồi nợ khó đòi: Trong năm, Công ty không thu hồi được khoản nợ nào từ nhóm đối tượng này, các khoản nợ đã có quyết định của Tòa án/thi hành án.

Đối với khoản nợ phải thu Công ty CP ĐT công nghệ cao (Sopewaco), ngày 09/03/2020, Tòa án huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai có Thông báo số 01/TB/TLPS về việc thụ lý đơn yêu cầu thủ tục phá sản đối với Công ty Sopewaco; ngày 12/3/2020 Chi cục thi hành án huyện Nhơn Trạch đã có quyết định số 14/QĐ-CCTHADS về việc tạm đình chỉ thi hành án đối với khoản công nợ của Công ty Sopewaco với số tiền 21,5 tỷ đồng, trong đó nợ gốc là 19,7 tỷ đồng (Công ty đã trích lập dự phòng 100% công nợ gốc này) và lãi chậm trả 1,8 tỷ đồng (Công ty chưa hạch toán đối với khoản lãi chậm trả này do khả năng thu thấp).

Ngày 5/03/2021, Tòa án huyện Nhơn Trạch tổ chức hội nghị chủ nợ (lần 2) về việc yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Công ty Sopewaco, các chủ nợ thống nhất phương án cho Công ty Sopewaco gia hạn thời gian 90 ngày để xây dựng phương án phục hồi SXKD trước khi mở lại hội nghị chủ nợ tiếp theo để xem xét, quyết định.

## **3/ Công tác trích lập dự phòng khó đòi và đầu tư tài chính:**

Tổng giá trị các khoản dự phòng năm 2020 Công ty đã hạch toán vào chi phí số tiền là 15,7 tỷ đồng. Trong đó:

### **a/ Dự phòng nợ phải thu khó đòi:**

- Tổng số nợ quá hạn thanh toán là 30,114 tỷ đồng.
- Đã trích lập dự phòng đến hết năm 2019 là 27,283 tỷ đồng
- Số hoàn nhập (thu hồi) trong năm là 0 đồng.
- Số trích lập bổ sung trong năm là 1,542 tỷ đồng.
- Tổng số đã trích lập dự phòng lũy kế đến 31/12/2020 là 28,826 tỷ đồng (gồm 39 khách hàng). Trong đó:
  - + Dự phòng các khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm là: 1,38 tỷ đồng
  - + Dự phòng các khoản nợ quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm là: 0,82 tỷ đồng.
  - + Dự phòng các khoản nợ quá hạn trên 3 năm là: 26.9 tỷ đồng.



**Phân loại nhóm công nợ khó đòi:**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Số tiền nợ	Ghi chú
1	Nhóm nợ đã khởi kiện và có QĐ của Tòa án/Thi hành án	21.694	Gồm 06 đối tượng nợ
2	Nhóm nợ đã khởi kiện nhưng chưa có QĐ xử lý	94	Gồm 01 đối tượng nợ
3	Nhóm nợ đã chuyển Công ty đòi nợ	485	Gồm 06 đối tượng nợ
4	Nhóm nợ chưa khởi kiện hoặc chưa chuyển Công ty đòi nợ	7.022	Gồm 26 đối tượng nợ
	<b>Tổng cộng</b>	<b>28.826</b>	<b>Gồm 26 đối tượng nợ</b>

*(Bảng kê chi tiết kèm theo).*

**b/ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:**

Năm 2020, Công ty trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính tại doanh nghiệp khác (Công ty CP BTLT VINAINCON) số tiền 1,3 tỷ đồng. Lũy kế đến 31/12/2020, số dư trích lập dự phòng đầu tư tài chính là 5,2 tỷ đồng (trích lập toàn bộ tại Công ty CP BTLT VINAINCON).

**c/ Dự phòng bảo hành sản phẩm**

Năm 2020, Công ty đã hoàn nhập dự phòng bảo hành cho các sản phẩm số tiền 11,2 tỷ đồng đồng thời trích lập trích lập bảo hành sản phẩm cho các hợp đồng bán hàng số tiền 12,902 tỷ đồng.

**4/ Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn.**

Năm 2020, Công ty không góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác. Vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác đến 12/12/2020 là 48,8 tỷ đồng, cụ thể:

+ Đầu tư vào Công ty CP BTLT Thủ Đức 1 (Công ty con, sở hữu 51%) là 40,8 tỷ/80 tỷ đồng. Cổ tức được chia năm 2019 theo Nghị quyết ĐHCĐ TDC1 là 17%, tương ứng số tiền 6,936 tỷ đồng đã được ghi nhận vào KQKD năm 2020. Hiện tại Công ty đã thu hết số tiền cổ tức tại đây.

+ Đầu tư vào Công ty CP BTLT VINAINCON (Công ty liên kết, sở hữu 20%) là 8 tỷ/40 tỷ đồng. Công ty BTLT VINAINCON nhiều năm nay SXKD thua lỗ nên không có thu nhập từ việc đầu tư tại Công ty CP BTLT VINAINCON.

**5/ Quản lý, sử dụng tài sản cố định:**

Trong năm 2020, Công ty ghi nhận tăng nguyên giá TSCĐ với giá trị là 18,8 tỷ đồng, trong đó từ mua sắm 9,5 tỷ đồng và từ ĐTXDCB là 9,3 tỷ đồng. Khấu hao TSCĐ trong năm 2020 là 12,3 tỷ đồng.

**6/ Vay ngân hàng:**

Các khoản vay nợ ngân hàng của Công ty chủ yếu tại Ngân hàng Công Thương VN – Chi nhánh Đồng Sài Gòn. Đến thời điểm 31/12/2020, tình hình nợ vay ngân hàng như sau:



ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
1	Vay ngắn hạn	8.243	113.645	72.308	49.580
2	Vay dài hạn	41.216	0	18.078	23.138
	<b>Tổng cộng</b>	<b>49.459</b>	<b>113.645</b>	<b>90.376</b>	<b>72.718</b>

Tổng chi phí lãi vay phát sinh năm 2020 là 6 tỷ đồng, 13% so với năm 2019 (5,3 tỷ đồng).

#### 7/ Công tác lao động tiền lương.

Hàng năm, Công ty thực hiện lập báo cáo quyết toán quỹ tiền lương. Năm 2020, công ty hạch toán 71,2 tỷ đồng vào quỹ tiền lương, trong đó quỹ tiền lương trích theo đơn giá là 63,2 tỷ đồng và quỹ lương gia công sản phẩm cơ khí là 8 tỷ đồng. Quỹ tiền lương theo đơn giá được trích phù hợp với quỹ tiền lương đã được ĐHCĐ thông qua.

Tổng số lao động bình quân trong kỳ là 320 người, thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2020 là 16.477.000 đồng/tháng.

#### 7. Ban hành các quy chế trị nội bộ.

Công ty đã ban hành nhiều quy chế, quy định để phục vụ công tác quản lý, điều hành. Tuy nhiên Công ty chưa ban hành Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Hiện nay Luật doanh nghiệp và luật chứng khoán đã có sửa đổi, đề nghị Ban điều hành xây dựng điều chỉnh quy chế quản trị nội bộ và điều lệ công ty cho phù hợp với quy định hiện hành và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### IV. Hoạt động của HĐQT, ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Năm 2020, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp và ban hành nghị quyết/quyết định liên quan đến công tác đầu tư, sản xuất kinh doanh, ... của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành đều có sự tham gia đồng thuận của các thành viên Hội đồng quản trị; phù hợp với thẩm quyền theo Điều lệ công ty.

Ban Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT; thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ theo điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát được mời tham gia các cuộc họp của HĐQT để thảo luận các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty; được HĐQT và Ban điều hành hỗ trợ trong công tác kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty; thực kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm của Công ty.

#### V. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ.

##### 1/Nhận xét:

Năm 2020, là năm đầy khó khăn đối với các hoạt động xã hội do ảnh hưởng của đại dịch covid 19. Mặc dù vậy, nhưng hoạt động SXKD của Công ty vẫn có hiệu quả, doanh thu, lợi nhuận đều vượt so với kế hoạch; các rủi ro tài chính đã được trích lập dự phòng, đảm bảo cho sự ổn định cho các năm sau; thu nhập của người lao động được duy



trì,...Đề đạt được thành tích nói trên là sự cố gắng của tập thể lãnh đạo từ HĐQT, Ban Giám đốc, các Phòng ban và tập thể người lao động trong Công ty.

**2/Kiến nghị:**

- Đề nghị Ban điều hành Công ty rà soát, đánh giá lại toàn bộ các khoản nợ tồn đọng, khó đòi, công nợ không phát sinh trong năm,...trên cơ sở đó đề có kế hoạch thu hồi và có phương án trích lập dự phòng phù hợp với kế hoạch SXKD hàng năm; đối chiếu công nợ, xác nhận nợ, xác minh rõ địa chỉ khách nợ để khởi kiện hoặc thuê đơn vị đòi nợ; khởi kiện những khách hàng chây ì không thanh toán,...

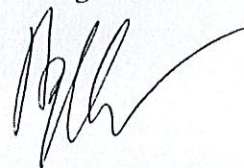
- Đề nghị Ban điều hành Công ty xây dựng các quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác; sửa đổi bổ sung quy chế quản trị Công ty cho phù hợp với quy định mới hiện hành trình ĐHĐCĐ thông qua.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt của Ban kiểm soát về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty, kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**TM BAN KIỂM SOÁT**

**Trưởng ban**



**Đặng Quang Cường**





**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

---

**Tháng 3 năm 2021**





Số: 058 /VACO/BCKT.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 20 tháng 3 năm 2020 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Đức Tiến**

**Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021*

**Nguyễn Viết Thiệu**

**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4244-2018-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>138.344.154.089</b>	<b>109.366.870.749</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>15.561.118.898</b>	<b>22.847.166.484</b>
1. Tiền	111		15.051.118.898	17.847.166.484
2. Các khoản tương đương tiền	112		510.000.000	5.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>24.500.000.000</b>	<b>24.500.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	24.500.000.000	24.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>64.991.956.041</b>	<b>60.301.675.474</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	78.672.415.473	79.243.205.031
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.392.329.989	2.113.677.125
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	2.931.804.810	2.931.804.810
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.821.640.750	3.296.970.959
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(28.826.234.981)	(27.283.982.451)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>33.291.079.150</b>	<b>26.218.028.791</b>
1. Hàng tồn kho	141		33.337.669.738	26.264.619.379
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46.590.588)	(46.590.588)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>182.287.453.198</b>	<b>179.349.502.038</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>124.909.845.379</b>	<b>118.496.776.592</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	124.890.012.037	118.469.943.254
- Nguyên giá	222		180.288.190.625	161.518.867.862
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.398.178.588)	(43.048.924.608)
2. Tài sản cố định vô hình	227		19.833.342	26.833.338
- Nguyên giá	228		35.000.000	35.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.166.658)	(8.166.662)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>310.723.921</b>	<b>2.531.504.592</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	310.723.921	2.531.504.592
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>43.603.230.079</b>	<b>44.903.550.134</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		40.800.000.000	40.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.000.000.000	8.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.196.769.921)	(3.896.449.866)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.463.653.819</b>	<b>13.417.670.720</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	13.463.653.819	13.417.670.720
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>320.631.607.287</b>	<b>288.716.372.787</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>148.755.288.897</b>	<b>118.291.971.678</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>124.489.779.089</b>	<b>76.274.090.936</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	23.415.043.020	26.789.584.050
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.743.961.054	2.205.672.414
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	6.348.430.338	5.606.921.600
4. Phải trả người lao động	314		24.227.862.632	19.779.398.822
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	498.181.730	516.977.972
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	49.580.922.626	8.243.559.212
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	12.906.279.730	11.212.488.907
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.769.097.959	1.919.487.959
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>24.265.509.808</b>	<b>42.017.880.742</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	1.126.997.239	800.993.663
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	23.138.512.569	41.216.887.079
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>171.876.318.390</b>	<b>170.424.401.109</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>171.876.318.390</b>	<b>170.424.401.109</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.141.000.000	64.141.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.141.000.000	64.141.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.737.500.000	6.737.500.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(18.090.000)	(18.090.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		61.297.944.397	61.297.944.397
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.717.963.993	38.266.046.712
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		8.216.882.712	11.178.164.495
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		31.501.081.281	27.087.882.217
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>320.631.607.287</b>	<b>288.716.372.787</b>

Bùi Minh Trúc  
Người lập biểu

Phạm Anh Linh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ý  
Giám đốc

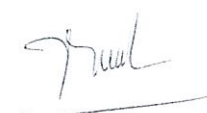
Ngày 26 tháng 3 năm 2021




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020*


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		343.649.922.573	317.684.182.321
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	21	343.649.922.573	317.684.182.321
4. Giá vốn hàng bán	11	22	279.359.017.626	261.096.336.332
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		64.290.904.947	56.587.845.989
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	8.222.917.074	6.710.454.924
7. Chi phí tài chính	22	25	8.620.039.415	6.904.439.759
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.039.101.915	5.349.894.560
8. Chi phí bán hàng	25	26	6.011.509.577	7.558.209.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	20.106.226.699	18.058.815.488
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (25+26)}	30		37.776.046.330	30.776.836.166
11. Thu nhập khác	31	27	18.406.949	1.769.501.319
12. Chi phí khác	32		69.188.669	120.553.340
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(50.781.720)	1.648.947.979
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		37.725.264.610	32.425.784.145
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	6.224.183.329	5.337.901.928
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		31.501.081.281	27.087.882.217
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.911	3.537

  
Bùi Minh Trúc  
Người lập biểu

  
Phạm Anh Linh  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Hữu Ý  
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2021



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020*  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	37.725.264.610	32.425.784.145
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	11.924.476.795	10.925.206.504
- Các khoản dự phòng	03	2.994.110.878	5.021.532.085
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(584.081)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.150.684.049)	(6.978.737.897)
- Chi phí lãi vay	06	6.039.101.915	5.349.894.560
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	50.532.270.149	46.743.095.316
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(6.690.280.567)	1.748.715.772
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(10.043.217.411)	3.686.384.255
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.680.502.485	(16.146.294.554)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	385.794.082	440.211.977
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.039.101.915)	(5.349.894.560)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.243.758.322)	(5.750.830.230)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.550.390.000)	(2.764.060.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.031.818.501	22.607.327.976
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(13.578.375.040)	(15.934.089.570)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	600.909.091
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(38.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.150.684.049	4.377.828.806
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27.927.690.991)	(10.955.351.673)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	113.645.751.830	70.320.659.891
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(90.386.762.926)	(69.064.036.323)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(25.649.164.000)	(12.824.582.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.390.175.096)	(11.567.958.432)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(7.286.047.586)	84.017.871
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.847.166.484	22.762.564.532
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	584.081
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	15.561.118.898	22.847.166.484

Bùi Minh Trúc  
Người lập biểu

Phạm Anh Linh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ý  
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này





**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

---

Tháng 3 năm 2021







Số: 054/VACO/BCKT.HCM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 24 tháng 3 năm 2020 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Đức Tiến**  
**Giám đốc Chi nhánh**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021*

**Nguyễn Viết Thiệu**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4244-2018-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>535.658.053.569</b>	<b>470.889.460.086</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>70.109.561.123</b>	<b>35.374.841.313</b>
1. Tiền	111		69.599.561.123	30.374.841.313
2. Các khoản tương đương tiền	112		510.000.000	5.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>31.900.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	31.900.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>260.640.118.065</b>	<b>301.489.462.247</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	301.585.062.242	338.430.539.317
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	13.613.034.687	4.647.394.125
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	2.931.804.810	2.931.804.810
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	3.906.528.522	6.174.719.268
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(61.396.312.196)	(50.694.995.273)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>170.060.380.218</b>	<b>134.025.156.526</b>
1. Hàng tồn kho	141		170.106.970.806	134.871.747.114
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46.590.588)	(846.590.588)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.947.994.163</b>	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.947.994.163	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>240.141.581.294</b>	<b>238.492.055.603</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>295.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	-	295.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>200.195.200.423</b>	<b>190.721.286.740</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	196.510.215.577	186.492.938.258
- Nguyên giá	222		333.258.699.900	302.812.101.548
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(136.748.484.323)	(116.319.163.290)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	3.665.151.504	4.201.515.144
- Nguyên giá	225		5.363.636.364	5.363.636.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.698.484.860)	(1.162.121.220)
3. Tài sản cố định vô hình	227		19.833.342	26.833.338
- Nguyên giá	228		98.100.000	98.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.266.658)	(71.266.662)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
- Nguyên giá	231		1.000.000.000	1.000.000.000
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.389.665.705</b>	<b>6.560.993.836</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	2.389.665.705	6.560.993.836
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>2.803.230.079</b>	<b>4.103.550.134</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.803.230.079	4.103.550.134
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.753.485.087</b>	<b>35.811.224.893</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	33.753.485.087	35.811.224.893
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>775.799.634.863</b>	<b>709.381.515.689</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>503.669.161.111</b>	<b>452.130.210.116</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>479.004.789.466</b>	<b>409.699.602.048</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	197.004.579.262	203.709.723.944
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	87.867.864.522	36.357.678.041
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	13.105.469.615	13.664.140.949
4. Phải trả người lao động	314		46.476.723.614	30.357.928.900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	5.734.225.619	11.222.747.877
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1.557.667.169	3.227.937.111
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	109.898.400.700	95.738.495.084
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	12.906.279.730	11.212.488.907
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.453.579.235	4.208.461.235
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>24.664.371.645</b>	<b>42.430.608.068</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	21	1.126.997.239	800.993.663
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	23.138.512.569	41.490.816.579
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		398.861.837	138.797.826
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>272.130.473.752</b>	<b>257.251.305.573</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>272.130.473.752</b>	<b>257.251.305.573</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.141.000.000	64.141.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.141.000.000	64.141.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.737.500.000	6.737.500.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(18.090.000)	(18.090.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		75.216.706.764	73.917.285.318
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.741.378.561	49.868.416.132
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.198.930.687	19.462.346.018
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		39.542.447.874	30.406.070.114
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		69.311.978.427	62.605.194.123
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>775.799.634.863</b>	<b>709.381.515.689</b>

Bùi Minh Trúc  
Người lập biểu

Phạm Anh Linh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ý  
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2021



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.181.292.670.827	929.511.364.655
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	27	1.181.292.670.827	929.511.364.655
3. Giá vốn hàng bán	11	28	1.037.415.460.670	821.531.807.195
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		143.877.210.157	107.979.557.460
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	1.570.094.702	742.470.127
6. Chi phí tài chính	22	31	12.866.387.256	12.656.777.415
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.516.025.588	11.009.535.601
7. Lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.300.320.055	590.667.737
8. Chi phí bán hàng	25	32	7.882.734.541	10.022.562.775
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	56.093.772.071	37.568.120.332
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (24+25+26)}	30		67.304.090.936	47.883.899.328
11. Thu nhập khác	31	33	1.019.892.803	2.059.974.125
12. Chi phí khác	32	34	81.388.998	139.814.928
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		938.503.805	1.920.159.197
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		68.242.594.741	49.804.058.525
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	13.800.198.551	10.098.291.122
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		260.064.011	118.133.547
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		54.182.332.179	39.587.633.856
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		39.542.447.874	30.406.070.114
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		14.639.884.305	9.181.563.742
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	8.450	3.850

Bùi Minh Trúc  
Người lập biểu

Phạm Anh Linh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ý  
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2021



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	68.242.594.741	49.804.058.525
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	23.455.484.476	21.547.055.553
- Các khoản dự phòng	03	11.595.107.746	4.055.138.931
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(556.175.994)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.056.158.475)	(514.068.552)
- Chi phí lãi vay	06	11.516.025.588	11.009.535.601
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	113.753.054.076	85.345.544.064
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	27.495.033.096	23.507.753.637
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(40.885.178.555)	73.922.338.273
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	51.348.362.932	(125.492.606.398)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	2.192.969.139	2.299.803.129
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.516.025.588)	(11.009.535.601)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.616.184.928)	(11.207.687.724)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.744.882.000)	(5.610.192.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	124.027.148.172	31.755.416.740
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(24.372.206.056)	(23.808.927.959)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	2.098.730.909	601.647.706
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.900.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.386.609.179	556.895.422
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(52.786.865.968)	(22.650.384.831)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	424.398.196.198	377.644.235.141
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(427.494.880.592)	(381.900.718.819)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.095.714.000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.313.164.000)	(17.651.950.421)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(36.505.562.394)	(21.908.434.099)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	34.734.719.810	(12.803.402.198)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35.374.841.313	48.178.243.503
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	70.109.561.123	35.374.841.313

Bùi Minh Trúc  
Người lập biểu

Phạm Anh Linh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ý  
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...



*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2021*

**TỜ TRÌNH  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Trên cơ sở tài liệu đã được trình bày trước Đại hội, Đoàn chủ tịch đề nghị Quý Cổ đông thảo luận và cho ý kiến biểu quyết một số vấn đề trọng tâm cần thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

**NỘI DUNG 1: Thông qua các Báo cáo năm 2020**

Đề nghị Đại hội thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021, Báo cáo Ban kiểm soát với các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Doanh thu	tỷ đồng	343,649
2	Lợi nhuận sau thuế	“	31,501
3	Đầu tư XDCB + TSCĐ + SCL	“	12,26
4	Lao động bình quân	Người	320
5	Thu nhập bình quân	Tr/tháng	16,477
6	Tổng quỹ lương	tỷ đồng	63,273

**NỘI DUNG 2: Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2020.**

**NỘI DUNG 3: Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2020**

Stt	Diễn giải	ĐVT	Số tiền
	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	Đồng	31.501.081.281
	Lợi nhuận năm 2019 chuyển qua	Đồng	8.216.882.712
	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế để phân phối</b>	<b>Đồng</b>	<b>39.717.963.993</b>
<b>I</b>	<b>Trả cổ tức năm 2020: (40% VDL)</b>	<b>Đồng</b>	<b>25.649.164.000</b>
<b>II</b>	<b>Phân chia các quỹ:</b>	<b>Đồng</b>	<b>14.068.799.993</b>



1	Quỹ khen thưởng	Đồng	2.500.000.000
2	Quỹ phúc lợi	Đồng	1.000.000.000
3	Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành	Đồng	1.500.000.000
4	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	9.068.799.993

**NỘI DUNG 4: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận và đầu tư năm 2021**

**\*/ Sản xuất kinh doanh**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	310
2	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	22
3	Lao động bình quân	Người	340
4	Tổng quỹ lương	tỷ đồng	58,9 tỷ / Doanh thu 310 tỷ
5	Thu nhập bình quân	Đồng	14.436.000 đồng/ng/th
6	Cổ tức	%	20%

**\*/ Phân phối lợi nhuận**

- Cổ tức: Dự kiến chia cổ tức 20% trên vốn điều lệ.

**\*/ Đầu tư xây dựng**

- Đầu tư xây dựng và lắp đặt thiết bị giai đoạn 2 nhà máy Bến Cát: 28,58 tỷ đồng
- Mua sắm, sửa chữa thiết bị: 7,99 tỷ đồng

Đề nghị Đại hội ủy quyền cho HĐQT dựa trên cơ sở kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2021 và tình hình thị trường để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 phù hợp với thực tế.

**NỘI DUNG 5: Thù lao của HĐQT và BKS**

**\*/ Thù lao của HĐQT và BKS năm 2020**

STT	Chức vụ	Số lượng	Mức thù lao
<b>I</b>	<b>Thù lao HĐQT</b>		<b>276.000.000</b>
1	Chủ tịch HĐQT	01	60.000.000



2	Thành viên HĐQT	04	192.000.000
3	Thư ký	01	24.000.000
<b>II</b>	<b>Thù lao BKS</b>		<b>84.000.000</b>
1	Trưởng Ban kiểm soát	01	36.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	02	48.000.000

**\*/ Thù lao của HĐQT và BKS năm 2021**

STT	Chức vụ	ĐVT	Mức thù lao
<b>I</b>	<b>Thù lao HĐQT</b>	<b>Đồng</b>	<b>276.000.000</b>
1	Chủ tịch HĐQT	Đồng / tháng	5.000.000
2	Thành viên HĐQT	“	4.000.000
3	Thư ký	“	2.000.000
<b>II</b>	<b>Thù lao BKS</b>	<b>Đồng</b>	<b>84.000.000</b>
1	Trưởng Ban kiểm soát	Đồng / tháng	3.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	Đồng / tháng	2.000.000

**NỘI DUNG 6: Chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021**

Đề nghị Đại hội ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm.

**Trên đây là các vấn đề xin ý kiến, trình Đại hội Cổ đông xem xét và thông qua./.**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Chủ tịch

**Đỗ Chí Nguyễn**









Số: / TDC - ĐHĐCD

TP. HCM ngày 14 tháng 05 năm 2021

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 do Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành.

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức.

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức, ngày 14 tháng 05 năm 2021.

Hôm nay ngày 14 tháng 05 năm 2021 tại Nhà hàng Khu du lịch Tân Cảng: Số 100 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh; Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Tham dự đại hội có cổ đông và người được ủy quyền dự họp, sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ % trên tổng số cổ phần theo vốn điều lệ.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC**  
**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư 2020, Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán, và Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Cty với các nội dung chính như sau:

- Doanh thu thực hiện: 343,649 tỷ đồng đạt 114,5% kế hoạch (300 tỷ đồng)
- Lợi nhuận sau thuế: 31,501 tỷ đồng đạt 143,2% kế hoạch (22 tỷ đồng)
- Lao động bình quân: 320 người đạt 96,97% kế hoạch (330 người)
- Đầu tư XDCB, mua sắm sửa chữa thiết bị: 12,26 tỷ đồng đạt 68,9% kế hoạch (17,78 tỷ đồng)
- Thu nhập bình quân: 16.447.000đồng/người/tháng đạt 118,1% kế hoạch năm (13.953.000 vnd)
- Tổng quỹ lương: 63,27 tỷ đồng/DT 343,6 tỷ đạt 114,51 % kế hoạch (55,25 tỷ đồng/DT 300 tỷ đồng)

**Điều 2:** Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020

**Điều 3:** Thông qua việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020 như sau:

1/ Lợi nhuận sau thuế năm 2020: 31.501.081.281 vnd

2/ Lợi nhuận 2019 chuyển sang:	8.216.882.712 vnd
3/ Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối:	39.717.963.993 vnd
2/ Trả cổ tức năm 2020 (40%/VĐL):	25.649.164.000 vnd
3/ Phân chia các quỹ:	14.068.799.993 vnd
- Quỹ khen thưởng:	2.500.000.000 vnd
- Quỹ phúc lợi:	1.000.000.000 vnd
- Quỹ thưởng HĐQT, BKS, BDH	1.500.000.000 vnd
- Quỹ đầu tư phát triển	9.068.799.993 vnd

**Điều 4: Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận và đầu tư năm 2021.**

**1/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

- Tổng doanh thu:	310 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	22 tỷ đồng
- Tổng lao động bình quân:	340 người
- Thu nhập bình quân:	14.436.000 đồng/người/tháng
- Tổng quỹ lương:	58,9 tỷ đồng/doanh thu 310 tỷ đồng
(không bao gồm chi phí nhân công gia công sản phẩm cơ khí)	

Đại hội nhất trí ủy quyền cho HĐQT dựa trên cơ sở kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2021 và tình hình thị trường để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 phù hợp với thực tế.

**2/ Kế hoạch phân phối lợi nhuận**

- Cổ tức: Chia cổ tức 20% trên vốn điều lệ.

Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2021, HĐQT đề xuất việc phân phối lợi nhuận và chi cổ tức năm 2021 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

**3/ Kế hoạch đầu tư 2021**

- Đầu tư xây dựng và lắp đặt thiết bị giai đoạn 2 nhà máy Bến Cát: 28,58 tỷ đồng
- Mua sắm, sửa chữa thiết bị phục vụ SXKD: 7,99 tỷ đồng

**Điều 5: Thù lao, việc chi trả thù lao của HĐQT, BKS**

Đại hội đã thông qua việc chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2020, mức thù lao HĐQT, Ban kiểm soát trong năm 2021 như sau:

**\*/ Năm 2020:**

- Thù lao HĐQT:	276.000.000 đồng
+ Chủ tịch HĐQT :	60.000.000 đồng
+ Thành viên HĐQT (4 người) :	192.000.000 đồng
+ Thư ký HĐQT :	24.000.000 đồng
- Thù lao BKS:	84.000.000 đồng
+ Trưởng BKS :	36.000.000 đồng
+ Thành viên BKS (2 người) :	48.000.000 đồng

**\*/ Năm 2021:**



- <b>Thù lao HĐQT:</b>	<b>276.000.000 đồng</b>
+ Chủ tịch HĐQT :	5.000.000 đồng/tháng
+ Ủy viên HĐQT :	4.000.000 đồng/tháng
+ Thư ký HĐQT :	2.000.000 đồng/tháng
- <b>Thù lao BKS:</b>	<b>84.000.000 đồng.</b>
+ Trưởng BKS :	3.000.000 đồng/tháng
+ Thành viên BKS :	2.000.000 đồng/tháng

**Điều 6: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021**

- Đại hội ủy quyền HĐQT lựa chọn Đơn vị Kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

**Điều 7: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành và các Phòng ban chuyên môn nghiệp vụ Công ty căn cứ quyết nghị để tổ chức thực hiện.**

*Nghị Quyết này đã được đọc trước Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 ngày 14/05/2021 và được biểu quyết nhất trí của cổ đông và người được ủy quyền dự họp, sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ %.*

**T/M Ban thư ký**

**T/M Đại hội Đồng cổ đông  
Chủ tọa đại hội**

**Bùi Minh Trúc**

**Đỗ Chí Nguyễn**

**Nơi nhận:**

- Đại hội Đồng Cổ Đông
- BKS Cty
- Giám đốc Cty
- Các phòng ban đơn vị
- Lưu HĐQT Cty









CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

## PHIẾU BIỂU QUYẾT

SỐ THỨ TỰ

**181**

Số Đăng ký sở hữu :

**197118265**

Họ & tên cổ đông :

**PHẠM ANH LINH**

Số cổ phần :

**2,002**



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

## PHIẾU BIỂU QUYẾT

SỐ THỨ TỰ

**181**

Số Đăng ký sở hữu :

**197118265**

Họ & tên cổ đông :

**PHẠM ANH LINH**

Số cổ phần :

**2,002**



